



TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG
NÔNG THÔN TỈNH QUẢNG BÌNH
PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

MÃ SỐ:
189/XNN/21

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

27/6/2021
Trang 01/01

1. Ngày nhận mẫu: 22/6/2021
2. Tên mẫu: Nước thô
3. Vị trí lấy mẫu: Nước hồ Cẩm Ly
Công trình cấp nước liên xã Ngân Thủy, Sơn Thủy và NT Lệ Ninh, Lệ Thủy, Quảng Bình
4. Đơn vị gửi mẫu: Trung tâm Nước sạch và VSMT NT tỉnh Quảng Bình
5. Số lượng/mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh vô trùng, dung tích 1,5l
6. Thời gian thử nghiệm: 24/6/2021
7. Lưu mẫu: ☐ Không ☒ Có
8. Kết quả thử nghiệm:



TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 08:2015/BTNMT (1)
1	pH (*)		TCVN 6492:2011	7,82	Trong khoảng 6,0 - 8,5
2	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-10	0	2500
3	E.coli	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-11	0	20
4	Clorua	mg/l	QLCLN-PP-03	8	250
5	Florua	mg/l	QLCLN-PP-04	0,02	1
6	Sắt	mg/l	QLCLN-PP-08	0,05	0,5
7	Asen	mg/l	QLCLN-PP-09	KPH	0,01
8	Mangan	mg/l	QLCLN-PP-05	0,015	0,1
9	Amoni	mg/l	QLCLN-PP-06	KPH	0,3

Kết luận: Các chỉ tiêu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước mặt theo QCVN 08:2015/BTNMT.

Ghi chú:

- (1) Quy chuẩn so sánh;
- (*) Chỉ tiêu được Valas công nhận;
- (**) Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ;
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm;

PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Đỗ Thị Oánh

KT. GIÁM ĐỐC
PH. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trường Giang

Địa chỉ: 03 Lê Quý Đôn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
Điện thoại: 02323.889.868



TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG
NÔNG THÔN TỈNH QUẢNG BÌNH
PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

MÃ SỐ:
188/XNN/21

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

27/6/2021
Trang 01/01

1. Ngày nhận mẫu: 22/6/2021
2. Tên mẫu: Nước sạch
3. Vị trí lấy mẫu: Hộ Thiều Thị Phượng, TDP 2A, TT Lệ Ninh
Công trình cấp nước liên xã Ngân Thủy, Sơn Thủy và NT Lệ Ninh, Lệ Thủy, Quảng Bình
4. Đơn vị gửi mẫu: Trung tâm Nước sạch và VSMT NT tỉnh Quảng Bình
5. Số lượng/mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh vô trùng, dung tích 1,5l
6. Thời gian thử nghiệm: 24/6/2021
7. Lưu mẫu: ☐ Không ☒ Có
8. Kết quả thử nghiệm:



TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT (1)
1	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	<5	15
2	Mùi vị		QLCLN-PP-13	Không mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ
3	Độ đục(*)	NTU	TCVN 6184:1996	<1	2
4	Clo dư	mg/l	QLCLN-PP-01	0,36	0,2-1,0
5	pH (*)		TCVN 6492:2011	7,81	Trong khoảng 6,0 - 8,5
6	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-10	0	<3
7	E.coli	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-11	0	<1
8	Độ Cứng	mg/l	QLCLN-PP-07	21,75	300
9	Clorua	mg/l	QLCLN-PP-03	5	250 (hoặc 300)
10	Florua	mg/l	QLCLN-PP-04	KPH	1,5
11	Sắt	mg/l	QLCLN-PP-08	0,02	0,3
12	Mangan	mg/l	QLCLN-PP-05	0,027	0,1
13	Sunphat	mg/l	QLCLN-PP-02	4	250
14	Amoni	mg/l	QLCLN-PP-06	0,03	0,3
15	Pecmanganat	mg/l	TCVN 6186:1996	0,46	2

Kết luận: Các chỉ tiêu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước sinh hoạt theo QCVN 01-1:2018/BYT.

Ghi chú:

- (1) Quy chuẩn so sánh;
- (*) Chỉ tiêu được Valas công nhận;
- (**) Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ;

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm;

**PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**



Đỗ Thị Oánh

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Trường Giang

✚ Địa chỉ: 03 Lê Quý Đôn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

✚ Điện thoại: 02323.889.868



TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG
NÔNG THÔN TỈNH QUẢNG BÌNH
PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

MÃ SỐ:
187/XNN/21

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

27/6/2021
Trang 01/01

1. Ngày nhận mẫu: 22/6/2021
2. Tên mẫu: **Nước sạch**
3. Vị trí lấy mẫu: Hộ Nguyễn Giá Trị, TDP 2C, TT Lệ Ninh
Công trình cấp nước liên xã Ngân Thủy, Sơn Thủy và NT Lệ Ninh, Lệ Thủy, Quảng Bình
4. Đơn vị gửi mẫu: Trung tâm Nước sạch và VSMT NT tỉnh Quảng Bình
5. Số lượng/mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh vô trùng, dung tích 1,5l
6. Thời gian thử nghiệm: 24/6/2021
7. Lưu mẫu: ☐ Không ☒ Có
8. Kết quả thử nghiệm:



VALAS 020

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT (1)
1	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	<5	15
2	Mùi vị		QLCLN-PP-13	Không mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ
3	Độ đục(*)	NTU	TCVN 6184:1996	<1	2
4	Clo dư	mg/l	QLCLN-PP-01	0,40	0,2-1,0
5	pH (*)		TCVN 6492:2011	7,69	Trong khoảng 6,0 - 8,5
6	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-10	0	<3
7	E.coli	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-11	0	<1
8	Độ Cứng	mg/l	QLCLN-PP-07	17,25	300
9	Clorua	mg/l	QLCLN-PP-03	5	250 (hoặc 300)
10	Florua	mg/l	QLCLN-PP-04	KPH	1,5
11	Sắt	mg/l	QLCLN-PP-08	0,04	0,3
12	Mangan	mg/l	QLCLN-PP-05	0,015	0,1
13	Sunphat	mg/l	QLCLN-PP-02	3	250
14	Amoni	mg/l	QLCLN-PP-06	0,12	0,3
15	Pecmanganat	mg/l	TCVN 6186:1996	0,91	2

Kết luận: Các chỉ tiêu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước sinh hoạt theo QCVN 01-1:2018/BYT.

Ghi chú:

- (1) Quy chuẩn so sánh;
- (*) Chỉ tiêu được Valas công nhận;
- (**) Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ;

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm;

**PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**



Đỗ Thị Oánh

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Trường Giang

Địa chỉ: 03 Lê Quý Đôn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

Điện thoại: 02323.889.868



TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG
NÔNG THÔN TỈNH QUẢNG BÌNH
PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

MÃ SỐ:
186/XNN/21

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

27/6/2021
Trang 01/01

1. Ngày nhận mẫu: 22/6/2021

2. Tên mẫu: Nước sạch

3. Vị trí lấy mẫu: Bể chứa nước sạch

Công trình cấp nước liên xã Ngân Thủy, Sơn Thủy và NT Lệ Ninh, Lệ Thủy, Quảng Bình

4. Đơn vị gửi mẫu: Trung tâm Nước sạch và VSMT NT tỉnh Quảng Bình

5. Số lượng/mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh vô trùng, dung tích 1,5l

6. Thời gian thử nghiệm: 24/6/2021

7. Lưu mẫu: ☐ Không

☒ Có

8. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT (1)
1	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	<5	15
2	Mùi vị		QLCLN-PP-13	Không mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ
3	Độ đục(*)	NTU	TCVN 6184:1996	<1	2
4	Clo dư	mg/l	QLCLN-PP-01	0,45	0,2-1,0
5	pH (*)		TCVN 6492:2011	7,40	Trong khoảng 6,0 - 8,5
6	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-10	0	<3
7	E.coli	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-11	0	<1
8	Độ Cứng	mg/l	QLCLN-PP-07	17,75	300
9	Clorua	mg/l	QLCLN-PP-03	7	250 (hoặc 300)
10	Florua	mg/l	QLCLN-PP-04	KPH	1,5
11	Sắt	mg/l	QLCLN-PP-08	KPH	0,3
12	Mangan	mg/l	QLCLN-PP-05	0,006	0,1
13	Sunphat	mg/l	QLCLN-PP-02	3	250
14	Amoni	mg/l	QLCLN-PP-06	KPH	0,3
15	Pecmanganat	mg/l	TCVN 6186:1996	0,23	2

Kết luận: Các chỉ tiêu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước sinh hoạt theo QCVN 01-1:2018/BYT.

Ghi chú:

- (1) Quy chuẩn so sánh;
- (*) Chỉ tiêu được Valas công nhận;
- (**) Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ;

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm;

**PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**



Đỗ Thị Oánh

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Trường Giang

✚ Địa chỉ: 03 Lê Quý Đôn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

✚ Điện thoại: 02323.889.868



TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG
NÔNG THÔN TỈNH QUẢNG BÌNH
PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

MÃ SỐ:
185/XNN/21

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

27/6/2021
Trang 01/01

1. Ngày nhận mẫu: 22/6/2021
2. Tên mẫu: **Nước thô**
3. Vị trí lấy mẫu: Nước mặt Hồ Cây Mung
4. Đơn vị gửi mẫu: Trung tâm Nước sạch và VSMT NT tỉnh Quảng Bình
5. Số lượng/mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh vô trùng, dung tích 1,5l
6. Thời gian thử nghiệm: 24/6/2021
7. Lưu mẫu: ☐ Không ☒ Có
8. Kết quả thử nghiệm:



TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 08:2015/BTNMT (1)
1	pH (*)		TCVN 6492:2011	8,01	Trong khoảng 6,0 - 8,5
2	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-10	0	2500
3	E.coli	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-11	0	20
4	Clorua	mg/l	QLCLN-PP-03	7	250
5	Florua	mg/l	QLCLN-PP-04	0,09	1
6	Sắt	mg/l	QLCLN-PP-08	0,03	0,5
7	Asen	mg/l	QLCLN-PP-09	KPH	0,01
8	Mangan	mg/l	QLCLN-PP-05	0,088	0,1
9	Amoni	mg/l	QLCLN-PP-06	0,07	0,3

Kết luận: Các chỉ tiêu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước mặt theo QCVN 08:2015/BTNMT.

Ghi chú:

- (1) Quy chuẩn so sánh;
- (*) Chỉ tiêu được Valas công nhận;
- (**) Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ;
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm;

PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Đỗ Thị Oánh



KẾ GIẢM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trường Giang

Địa chỉ: 03 Lê Quý Đôn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
Điện thoại: 02323.889.868



TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG
NÔNG THÔN TỈNH QUẢNG BÌNH
PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

MÃ SỐ:
184/XNN/21

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

27/6/2021
Trang 01/01

1. Ngày nhận mẫu: 22/6/2021
2. Tên mẫu: Nước thô
3. Vị trí lấy mẫu: Nước sông Kiến Giang
Công trình cấp nước xã Mỹ Thủy, huyện Lệ Thủy
4. Đơn vị gửi mẫu: Trung tâm Nước sạch và VSMT NT tỉnh Quảng Bình
5. Số lượng/mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh vô trùng, dung tích 1,5l
6. Thời gian thử nghiệm: 24/6/2021
7. Lưu mẫu: ☐ Không ☒ Có
8. Kết quả thử nghiệm:

XC
VACI
VALAS 020

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 08:2015/BTNMT (1)
1	pH (*)		TCVN 6492:2011	7,43	Trong khoảng 6,0 - 8,5
2	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-10	0	2500
3	E.coli	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-11	0	20
4	Clorua	mg/l	QLCLN-PP-03	7	250
5	Florua	mg/l	QLCLN-PP-04	KPH	1
6	Sắt	mg/l	QLCLN-PP-08	0,01	0,5
7	Asen	mg/l	QLCLN-PP-09	KPH	0,01
8	Mangan	mg/l	QLCLN-PP-05	0,059	0,1
9	Amoni	mg/l	QLCLN-PP-06	0,07	0,3

Kết luận: Các chỉ tiêu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước mặt theo QCVN 08:2015/BTNMT.

Ghi chú:

- (1) Quy chuẩn so sánh;
- (*) Chỉ tiêu được Valas công nhận;
- (**) Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ;
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm;

PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Đỗ Thị Oánh

KINH GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trường Giang

Địa chỉ: 03 Lê Quý Đôn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
Điện thoại: 02323.889.868



TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG
NÔNG THÔN TỈNH QUẢNG BÌNH
PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

MÃ SỐ:
183/XNN/21

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

09/7/2021
Trang 01/01

1. Ngày nhận mẫu: 22/6/2021
2. Tên mẫu: **Nước sạch**
3. Vị trí lấy mẫu: Ủy Ban Nhân Dân xã Mỹ Thủy
Công trình cấp nước xã Mỹ Thủy, huyện Lệ Thủy
4. Đơn vị gửi mẫu: Trung tâm Nước sạch và VSMT NT tỉnh Quảng Bình
5. Số lượng/mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh vô trùng, dung tích 1,5l
6. Thời gian thử nghiệm: 24/6/2021
7. Lưu mẫu: ☐ Không ☒ Có
8. Kết quả thử nghiệm:



TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT (1)
1	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	12,639	15
2	Mùi vị		QLCLN-PP-13	Không mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ
3	Độ đục(*)	NTU	TCVN 6184:1996	1,93	2
4	Clo dư	mg/l	QLCLN-PP-01	0,41	0,2-1,0
5	pH (*)		TCVN 6492:2011	7,53	Trong khoảng 6,0 - 8,5
6	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-10	0	<3
7	E.coli	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-11	0	<1
8	Độ Cứng	mg/l	QLCLN-PP-07	21,25	300
9	Clorua	mg/l	QLCLN-PP-03	8	250 (hoặc 300)
10	Florua	mg/l	QLCLN-PP-04	0,05	1,5
11	Sắt	mg/l	QLCLN-PP-08	0,05	0,3
12	Mangan	mg/l	QLCLN-PP-05	0,023	0,1
13	Sunphat	mg/l	QLCLN-PP-02	4	250
14	Amoni	mg/l	QLCLN-PP-06	0,15	0,3
15	Pecmanganat	mg/l	TCVN 6186:1996	0,46	2
16	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (**)	mg/l	SMEWW 2540- C:2017	60,5	1000
17	Thủy ngân (**)	mg/l	SMEWW 3125B:2017	< 0,0005 (MQL)	0,001
18	Chì (**)	mg/l	TCVN 7877:2008	< 0,01 (MQL)	0,01

Kết luận: Các chỉ tiêu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước sinh hoạt theo QCVN

01-1:2018/BYT.

Ghi chú:

- (1) Quy chuẩn so sánh;
- (*) Chỉ tiêu được Valas công nhận;
- (**) Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ;
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm;

**PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**



Đỗ Thị Oánh

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Trường Giang

✚ Địa chỉ: 03 Lê Quý Đôn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

✚ Điện thoại: 02323.889.868



**TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG
NÔNG THÔN TỈNH QUẢNG BÌNH
PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**

MÃ SỐ:
182/XNN/21

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

09/7/2021
Trang 01/01

1. Ngày nhận mẫu: 22/6/2021
2. Tên mẫu: **Nước sạch**
3. Vị trí lấy mẫu: Hộ Châu Khiếu Phôn, thôn Thuận Trạch, xã Mỹ Thủy
4. Đơn vị gửi mẫu: Trung tâm Nước sạch và VSMT NT tỉnh Quảng Bình
5. Số lượng/mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh vô trùng, dung tích 1,5l
6. Thời gian thử nghiệm: 24/6/2021
7. Lưu mẫu: ☐ Không ☒ Có
8. Kết quả thử nghiệm:



TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT (1)
1	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	12,352	15
2	Mùi vị		QLCLN-PP-13	Không mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ
3	Độ đục(*)	NTU	TCVN 6184:1996	1,87	2
4	Clo dư	mg/l	QLCLN-PP-01	0,47	0,2-1,0
5	pH (*)		TCVN 6492:2011	7,38	Trong khoảng 6,0 - 8,5
6	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-10	0	<3
7	E.coli	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-11	0	<1
8	Độ Cứng	mg/l	QLCLN-PP-07	25,75	300
9	Clorua	mg/l	QLCLN-PP-03	8	250 (hoặc 300)
10	Florua	mg/l	QLCLN-PP-04	0,04	1,5
11	Sắt	mg/l	QLCLN-PP-08	0,05	0,3
12	Mangan	mg/l	QLCLN-PP-05	0,023	0,1
13	Sunphat	mg/l	QLCLN-PP-02	4	250
14	Amoni	mg/l	QLCLN-PP-06	0,15	0,3
15	Pecmanganat	mg/l	TCVN 6186:1996	0,46	2
16	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (**)	mg/l	SMEWW 2540- C:2017	54,5	1000
17	Thủy ngân (**)	mg/l	SMEWW 3125B:2017	< 0,0005 (MQL)	0,001
18	Chì (**)	mg/l	TCVN 7877:2008	< 0,01 (MQL)	0,01

Kết luận: Các chỉ tiêu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước sinh hoạt theo QCVN

Ghi chú:

- (1) Quy chuẩn so sánh;
- (*) Chỉ tiêu được Valas công nhận;
- (**) Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ;
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm;

**PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**



Đỗ Thị Oánh

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Trường Giang

✚ Địa chỉ: 03 Lê Quý Đôn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

✚ Điện thoại: 02323.889.868



TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG
NÔNG THÔN TỈNH QUẢNG BÌNH
PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

MÃ SỐ:
181/XNN/21

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

09/7/2021
Trang 01/01

1. Ngày nhận mẫu: 22/6/2021

2. Tên mẫu: Nước sạch

3. Vị trí lấy mẫu: Bể chứa nước sạch

Công trình cấp nước xã Mỹ Thủy, huyện Lệ Thủy

4. Đơn vị gửi mẫu: Trung tâm Nước sạch và VSMT NT tỉnh Quảng Bình

5. Số lượng/mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh vô trùng, dung tích 1,5l

6. Thời gian thử nghiệm: 24/6/2021

7. Lưu mẫu: ☐ Không

☒ Có

8. Kết quả thử nghiệm:



TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT (1)
1	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	1,662	15
2	Mùi vị		QLCLN-PP-13	Không mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ
3	Độ đục(*)	NTU	TCVN 6184:1996	1,82	2
4	Clo dư	mg/l	QLCLN-PP-01	0,56	0,2-1,0
5	pH (*)		TCVN 6492:2011	7,24	Trong khoảng 6,0 - 8,5
6	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-10	0	<3
7	E.coli	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-11	0	<1
8	Độ Cứng	mg/l	QLCLN-PP-07	21,25	300
9	Clorua	mg/l	QLCLN-PP-03	8	250 (hoặc 300)
10	Florua	mg/l	QLCLN-PP-04	0,05	1,5
11	Sắt	mg/l	QLCLN-PP-08	0,05	0,3
12	Mangan	mg/l	QLCLN-PP-05	0,023	0,1
13	Sunphat	mg/l	QLCLN-PP-02	4	250
14	Amoni	mg/l	QLCLN-PP-06	0,15	0,3
15	Pecmanganat	mg/l	TCVN 6186:1996	0,46	2
16	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (**)	mg/l	SMEWW 2540- C:2017	68,5	1000
17	Thủy ngân (**)	mg/l	SMEWW 3125B:2017	< 0,0005 (MQL)	0,001
18	Chì (**)	mg/l	TCVN 7877:2008	< 0,01 (MQL)	0,01

Kết luận: Các chỉ tiêu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước sinh hoạt theo QCVN

Ghi chú:

- (1) Quy chuẩn so sánh;
- (*) Chỉ tiêu được Valas công nhận;
- (**) Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ;
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm;

**PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**



Đỗ Thị Oánh



**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Trường Giang

- ✚ Địa chỉ: 03 Lê Quý Đôn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
- ✚ Điện thoại: 02323.889.868



TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG
NÔNG THÔN TỈNH QUẢNG BÌNH
PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

MÃ SỐ:
180/XNN/21

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

09/7/2021
Trang 01/01

1. Ngày nhận mẫu: 22/6/2021

2. Tên mẫu: Nước sạch

3. Vị trí lấy mẫu: Hộ Phan Đình Lý, thôn Châu Xá, xã Mai Thủy

Công trình cấp nước Châu Xá, Mai Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình

4. Đơn vị gửi mẫu: Trung tâm Nước sạch và VSMT NT tỉnh Quảng Bình.

5. Số lượng/mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh vô trùng, dung tích 1,5l

6. Thời gian thử nghiệm: 24/6/2021

7. Lưu mẫu: ☐ Không

☒ Có

8. Kết quả thử nghiệm:



TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT (1)
1	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	4,917	15
2	Mùi vị		QLCLN-PP-13	Không mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ
3	Độ đục(*)	NTU	TCVN 6184:1996	1,96	2
4	Clo dư	mg/l	QLCLN-PP-01	0,26	0,2-1,0
5	pH (*)		TCVN 6492:2011	7,62	Trong khoảng 6,0 - 8,5
6	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-10	0	<3
7	E.coli	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-11	0	<1
8	Độ Cứng	mg/l	QLCLN-PP-07	17,95	300
9	Clorua	mg/l	QLCLN-PP-03	6	250 (hoặc 300)
10	Florua	mg/l	QLCLN-PP-04	KPH	1,5
11	Sắt	mg/l	QLCLN-PP-08	0,07	0,3
12	Mangan	mg/l	QLCLN-PP-05	0,033	0,1
13	Sunphat	mg/l	QLCLN-PP-02	5	250
14	Amoni	mg/l	QLCLN-PP-06	0,19	0,3
15	Pecmanganat	mg/l	TCVN 6186:1996	0,56	2
16	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (**)	mg/l	SMEWW 2540- C:2017	61,0	1000
17	Thủy ngân (**)	mg/l	SMEWW 3125B:2017	< 0,0005 (MQL)	0,001
18	Chì (**)	mg/l	TCVN 7877:2008	< 0,01 (MQL)	0,01

Kết luận: Các chỉ tiêu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước sinh hoạt theo QCVN

Ghi chú:

- (1) Quy chuẩn so sánh;
- (*) Chỉ tiêu được Valas công nhận;
- (**) Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ;
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm;

**PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**



Đỗ Thị Oánh

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Trường Giang

✚ Địa chỉ: 03 Lê Quý Đôn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

✚ Điện thoại: 02323.889.868



TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG
NÔNG THÔN TỈNH QUẢNG BÌNH
PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

MÃ SỐ:
179/XNN/21

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

09/7/2021
Trang 01/01

1. Ngày nhận mẫu: 22/6/2021
2. Tên mẫu: Nước sạch
3. Vị trí lấy mẫu: Hộ Phan Đình Huệ, thôn Châu Xá, xã Mai Thủy
Công trình cấp nước Châu Xá, Mai Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình
4. Đơn vị gửi mẫu: Trung tâm Nước sạch và VSMT NT tỉnh Quảng Bình
5. Số lượng/mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh vô trùng, dung tích 1,5l
6. Thời gian thử nghiệm: 24/6/2021
7. Lưu mẫu: ☐ Không ☒ Có
8. Kết quả thử nghiệm:



TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT (1)
1	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	14,796	15
2	Mùi vị		QLCLN-PP-13	Không mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ
3	Độ đục(*)	NTU	TCVN 6184:1996	1,92	2
4	Clo dư	mg/l	QLCLN-PP-01	0,28	0,2-1,0
5	pH (*)		TCVN 6492:2011	7,53	Trong khoảng 6,0 - 8,5
6	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-10	0	<3
7	E.coli	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-11	0	<1
8	Độ Cứng	mg/l	QLCLN-PP-07	24,75	300
9	Clorua	mg/l	QLCLN-PP-03	6	250 (hoặc 300)
10	Florua	mg/l	QLCLN-PP-04	KPH	1,5
11	Sắt	mg/l	QLCLN-PP-08	0,07	0,3
12	Mangan	mg/l	QLCLN-PP-05	0,033	0,1
13	Sunphat	mg/l	QLCLN-PP-02	5	250
14	Amoni	mg/l	QLCLN-PP-06	0,17	0,3
15	Pecmanganat	mg/l	TCVN 6186:1996	0,55	2
16	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (**)	mg/l	SMEWW 2540- C:2017	25,5	1000
17	Thủy ngân (**)	mg/l	SMEWW 3125B:2017	< 0,0005 (MQL)	0,001
18	Chì (**)	mg/l	TCVN 7877:2008	< 0,01 (MQL)	0,01

Kết luận: Các chỉ tiêu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước sinh hoạt theo QCVN

Ghi chú:

- (1) Quy chuẩn so sánh;
- (*) Chỉ tiêu được Valas công nhận;
- (**) Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ;
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm;

**PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**



Đỗ Thị Oánh



**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Trường Giang

Địa chỉ: 03 Lê Quý Đôn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
Điện thoại: 02323.889.868



TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG
NÔNG THÔN TỈNH QUẢNG BÌNH
PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

MÃ SỐ:
178/XNN/21

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

09/7/2021
Trang 01/01

1. Ngày nhận mẫu: 22/6/2021

2. Tên mẫu: Nước sạch

3. Vị trí lấy mẫu: Bể chứa nước sạch

Công trình cấp nước Châu Xá, Mai Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình

4. Đơn vị gửi mẫu: Trung tâm Nước sạch và VSMT NT tỉnh Quảng Bình

5. Số lượng/mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh vô trùng, dung tích 1,5l

6. Thời gian thử nghiệm: 24/6/2021

7. Lưu mẫu: ☐ Không

☒ Có

8. Kết quả thử nghiệm:



TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT (1)
1	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	14,801	15
2	Mùi vị		QLCLN-PP-13	Không mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ
3	Độ đục(*)	NTU	TCVN 6184:1996	1,97	2
4	Clo dư	mg/l	QLCLN-PP-01	0,32	0,2-1,0
5	pH (*)		TCVN 6492:2011	7,39	Trong khoảng 6,0 - 8,5
6	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-10	0	<3
7	E.coli	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-11	0	<1
8	Độ Cứng	mg/l	QLCLN-PP-07	21,75	300
9	Clorua	mg/l	QLCLN-PP-03	6	250 (hoặc 300)
10	Florua	mg/l	QLCLN-PP-04	KPH	1,5
11	Sắt	mg/l	QLCLN-PP-08	0,07	0,3
12	Mangan	mg/l	QLCLN-PP-05	0,033	0,1
13	Sunphat	mg/l	QLCLN-PP-02	5	250
14	Amoni	mg/l	QLCLN-PP-06	0,18	0,3
15	Pecmanganat	mg/l	TCVN 6186:1996	0,55	2
16	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (**)	mg/l	SMEWW 2540- C:2017	49,0	1000
17	Thủy ngân (**)	mg/l	SMEWW 3125B:2017	< 0,0005 (MQL)	0,001
18	Chì (**)	mg/l	TCVN 7877:2008	< 0,01 (MQL)	0,01

Kết luận: Các chỉ tiêu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước sinh hoạt theo QCVN

Ghi chú:

- (1) Quy chuẩn so sánh;
- (*) Chỉ tiêu được Valas công nhận;
- (**) Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ;
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm;

**PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**



Đỗ Thị Oánh

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Trường Giang

✚ Địa chỉ: 03 Lê Quý Đôn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
✚ Điện thoại: 02323.889.868



TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG
NÔNG THÔN TỈNH QUẢNG BÌNH
PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

MÃ SỐ:
177/XNN/21

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

27/6/2021
Trang 01/01

1. Ngày nhận mẫu: 22/6/2021
2. Tên mẫu: Nước thô
3. Vị trí lấy mẫu: Nước sông Kiến Giang
4. Đơn vị gửi mẫu: Trung tâm Nước sạch và VSMT NT tỉnh Quảng Bình
5. Số lượng/mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh vô trùng, dung tích 1,5l
6. Thời gian thử nghiệm: 24/6/2021
7. Lưu mẫu: ☐ Không ☒ Có
8. Kết quả thử nghiệm:



TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 08:2015/BTNMT (1)
1	pH (*)		TCVN 6492:2011	7,40	Trong khoảng 6,0 - 8,5
2	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-10	0	2500
3	E.coli	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-11	0	20
4	Clorua	mg/l	QLCLN-PP-03	7	250
5	Florua	mg/l	QLCLN-PP-04	0,29	1
6	Sắt	mg/l	QLCLN-PP-08	0,03	0,5
7	Asen	mg/l	QLCLN-PP-09	KPH	0,01
8	Mangan	mg/l	QLCLN-PP-05	0,055	0,1
9	Amoni	mg/l	QLCLN-PP-06	0.04	0,3

Kết luận: Các chỉ tiêu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước mặt theo QCVN 08:2015/BTNMT.

Ghi chú:

- (1) Quy chuẩn so sánh;
- (*) Chỉ tiêu được Valas công nhận;
- (**) Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ;
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm;

PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Đỗ Thị Oánh



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
PHÒNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trường Giang

Địa chỉ: 03 Lê Quý Đôn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

Điện thoại: 02323.889.868



TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG
NÔNG THÔN TỈNH QUẢNG BÌNH
PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

MÃ SỐ:
176/XNN/21

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

09/7/2021
Trang 01/01

1. Ngày nhận mẫu: 22/6/2021
2. Tên mẫu: Nước sạch
3. Vị trí lấy mẫu: Hộ Dương Công Thắng, thôn Quảng Trung, xã Mai Thủy
4. Đơn vị gửi mẫu: Trung tâm Nước sạch và VSMT NT tỉnh Quảng Bình
5. Số lượng/mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh vô trùng, dung tích 1,5l
6. Thời gian thử nghiệm: 24/6/2021
7. Lưu mẫu: ☐ Không ☒ Có
8. Kết quả thử nghiệm:



TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT (1)
1	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	<5	15
2	Mùi vị		QLCLN-PP-13	Không mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ
3	Độ đục(*)	NTU	TCVN 6184:1996	<1	2
4	Clo dư	mg/l	QLCLN-PP-01	0,32	0,2-1,0
5	pH (*)		TCVN 6492:2011	7,97	Trong khoảng 6,0 - 8,5
6	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-10	0	<3
7	E.coli	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-11	0	<1
8	Độ Cứng	mg/l	QLCLN-PP-07	12	300
9	Clorua	mg/l	QLCLN-PP-03	6	250 (hoặc 300)
10	Florua	mg/l	QLCLN-PP-04	KPH	1,5
11	Sắt	mg/l	QLCLN-PP-08	0,01	0,3
12	Mangan	mg/l	QLCLN-PP-05	0,025	0,1
13	Sunphat	mg/l	QLCLN-PP-02	5	250
14	Amoni	mg/l	QLCLN-PP-06	0,05	0,3
15	Pecmanganat	mg/l	TCVN 6186:1996	0,46	2
16	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (**)	mg/l	SMEWW 2540- C:2017	< 5,0 (MQL)	1000
17	Thủy ngân (**)	mg/l	SMEWW 3125B:2017	< 0,0005 (MQL)	0,001
18	Chì (**)	mg/l	TCVN 7877:2008	< 0,01 (MQL)	0,01

Kết luận: Các chỉ tiêu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước sinh hoạt theo QCVN

Ghi chú:

- (1) Quy chuẩn so sánh;
- (*) Chỉ tiêu được Valas công nhận;
- (**) Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ;
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm;

**PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**



Đỗ Thị Oánh

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Trường Giang

- ✚ Địa chỉ: 03 Lê Quý Đôn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
- ✚ Điện thoại: 02323.889.868



TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG
NÔNG THÔN TỈNH QUẢNG BÌNH
PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

MÃ SỐ:
175/XNN/21

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

09/7/2021
Trang 01/01

1. Ngày nhận mẫu: 22/6/2021
2. Tên mẫu: **Nước sạch**
3. Vị trí lấy mẫu: Hộ Trần Minh, thôn Mai Thượng, xã Mai Thủy
Công trình cấp nước Thái Xá, Mai Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình
4. Đơn vị gửi mẫu: Trung tâm Nước sạch và VSMT NT tỉnh Quảng Bình
5. Số lượng/mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh vô trùng, dung tích 1,5l
6. Thời gian thử nghiệm: 24/6/2021
7. Lưu mẫu: ☐ Không ☒ Có
8. Kết quả thử nghiệm:

XC
VALAS 020

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT (1)
1	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	<5	15
2	Mùi vị		QLCLN-PP-13	Không mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ
3	Độ đục(*)	NTU	TCVN 6184:1996	<1	2
4	Clo dư	mg/l	QLCLN-PP-01	0,37	0,2-1,0
5	pH (*)		TCVN 6492:2011	8,13	Trong khoảng 6,0 - 8,5
6	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-10	0	<3
7	E.coli	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-11	0	<1
8	Độ Cứng	mg/l	QLCLN-PP-07	13	300
9	Clorua	mg/l	QLCLN-PP-03	6	250 (hoặc 300)
10	Florua	mg/l	QLCLN-PP-04	KPH	1,5
11	Sắt	mg/l	QLCLN-PP-08	KPH	0,3
12	Mangan	mg/l	QLCLN-PP-05	0,025	0,1
13	Sunphat	mg/l	QLCLN-PP-02	5	250
14	Amoni	mg/l	QLCLN-PP-06	KPH	0,3
15	Pecmanganat	mg/l	TCVN 6186:1996		2
16	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (**)	mg/l	SMEWW 2540- C:2017	13,0	1000
17	Thủy ngân (**)	mg/l	SMEWW 3125B:2017	< 0,0005 (MQL)	0,001
18	Chì (**)	mg/l	TCVN 7877:2008	< 0,01 (MQL)	0,01

Kết luận: Các chỉ tiêu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước sinh hoạt theo QCVN